ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

A. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1. Tên môn học (tiếng Việt) : TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH DOANH

2. Tên môn học (tiếng Anh) : ENGLISH FOR BUSINESS LAW

3. Mã số môn học : ENP312

4. Trình độ đào tạo : Đại học

5. Ngành đào tạo áp dụng : Ngôn ngữ Anh

6. Số tín chỉ : 03

- Lý thuyết : 02
- Thảo luận và bài tập : 01
- Thực hành : 00
- Khác (ghi cụ thể) : 00

7. Phân bổ thời gian : 45 tiết

- Tại giảng đường : 35 tiết
- Tự học ở nhà : 90 tiết
- Trực tuyến : 10 tiết
- Khác (ghi cụ thể) : 00

8. Khoa quản lý môn học : Khoa Ngoại ngữ

9. Môn học trước : Tiếng Anh- Đọc 3, Tiếng Anh- Viết 3

10. Mô tả môn học

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên từ vững, thuật ngữ, khái niệm tiếng Anh liên quan đến lĩnh vực luật kinh doanh. Sinh viên có cơ hội đọc các bài đọc có nội dung về các đạo luật, nguyên tắc, quy định có hiệu lực trong kinh doanh. Môn học tạo điều kiện cho Sinh viên được thực hành bốn kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức, từ vựng được cung cấp từ sách giáo khoa vào các tình huống pháp lý giả định.

11. Yêu cầu môn học

- - Sinh viên phải vào lớp đúng giờ, đảm bảo thời gian học trên lớp offline và online, có thái độ nghiêm túc và chủ động, tích cực trong học tập.

- Sinh viên phải đọc trước tài liệu theo yêu cầu của giảng viên, đồng thời tìm đọc thêm các tài liệu có liên quan ở thư viện và trên Internet.
- Sinh viên cần thường xuyên rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, vận dụng các kiến thức đã học trên lớp vào tất cả các bài tập thực hành.
- Sinh viên cần tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài cũng như tham gia thảo luận, làm bài tập nhóm và nghiêm túc thực hiện các bài tập cá nhân.
- Sinh viên cần hoàn thành tất cả các bài tập trên phần mềm giảng dạy LMS theo đúng quy định về thời gian.
- Sinh viên vắng thi trong bài kiểm tra giữa kỳ sẽ bị điểm 0 nếu không có đơn xin phép có lý do chính đáng được chấp nhận.
- Đối với bất kỳ sự gian lận nào trong bài tập (cá nhân và nhóm) hoặc bài thi hoặc vi phạm các vấn đề về liêm chính học thuật, sinh viên phải chịu mọi hình thức kỷ luật theo quy định của Trường và của giảng viên.

B. PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

Các thành phần đánh giá môn học

Thành phần đánh giá	Phương thức đánh giá	Trọng số
A.1. Đánh giá quá trình	A.1.1. Chuyên cần, ý thức, thái độ học tập	10%
	A.1.2. Kiểm tra giữa kỳ (dạng thức: bài thi viết)	20%
	A.1.3. Bài tập nhóm và/hoặc cá nhân.	20%
A.2. Đánh giá cuối kỳ	A.2.1. Thi cuối kỳ (dạng thức: bài thi viết hình thức câu hỏi: trắc nghiệm)	50%

C. NỘI DUNG CHI TIẾT GIẢNG DẠY

Nội dung giảng dạy chi tiết
COURSE INTRODUCTION **MODULE 1: A CAREER IN LAW**

(Unit 1) 1.1 Reading 1 1.2 Reading 2 1.3 Writing 1.4 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 1: A CAREER IN LAW **(Unit 1) - Cont.** 2.1 Grammar: Language use 2.2 Reading 3 2.3 Listening 2.4 Speaking 2.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 2: CONTRACT LAW **(Unit 2)** 3.1 Reading 1 3.2 Reading 2 3.3 Listening 1 3.4 Speaking 3.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 2: CONTRACT LAW **(Unit 2) – Cont.** 4.1 Reading 3 4.2 Listening 2 4.3 Writing 4.4 Grammar: Language use 4.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 3: COMPANY LAW **(Unit 5)** 5.1 Reading 1 5.2 Reading 2 5.3 Listening 1 5.4 Speaking 1 5.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 3: COMPANY LAW **(Unit 5) – Cont.**

6.1 Language: Text analysis 6.2 Reading 3 6.3 Speaking 2 6.4 Mid-term test 6.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 4: COMMERCIAL LAW **(Unit 6)** 7.1 Reading 1 7.2 Reading 2 7.3 Language: Text analysis 7.4 Listening 7.5 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 4: COMMERCIAL LAW **(Unit 6) – Cont.** 8.1 Reading 3-4-5 8.2 Writing 1 8.3 Speaking 8.4 Further practice and lesson revision (LMS or Offline)
MODULE 5: CONSOLIDATION AND FURTHER PRACTICE 9.1 Final review 9.2 Further practice (LMS or offline)